

2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN Số: 255
Ngày: 16/7/2026
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22/VLT/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 1000441655

Điện thoại: 02273.617.568

E-mail: ops@vilitas.com.vn

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm số: TCQ.03.2400.1 (ISO 22000:2018) cấp ngày 26/01/2024

Nơi cấp: Trung tâm KN&CN chất lượng TQC

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Đường vàng tự nhiên

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 5g, 6g, 10g, 250g, 300g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 2kg, 25kg và các quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng; bao bì được hàn kín mép để bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu PP, PE, PET; đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Sản phẩm được phối trộn và đóng gói tại Việt Nam từ nguyên liệu đường mía.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

gh

- Thông tư 09/VBHN-BYT ngày 06/09/2024 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 23 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Thu Hằng

3441
CÔNG
T.N.
MỘT THÀ
VIL
THÁI
THU

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(đính kèm bản TCB số: 22/VLT/2026)

Sản phẩm: ĐƯỜNG VÀNG TỰ NHIÊN

Thành phần: Đường mía 100%

Khối lượng tịnh: 1 Kg

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Thời hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến các loại thực phẩm, món ăn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.617.568

Phối trộn và đóng gói tại Việt Nam



lph

Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
Đính kèm bản Tự công bố số 22/VLT/2026

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng tinh thể, đồng đều, tơi khô không vón cục.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu vàng
- Mùi vị: Tinh thể đường và dung dịch đường khi pha trong nước cất có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng đường tổng số (Saccharose)	%	$\geq 98,5$
2	Độ ẩm	%	$\leq 0,5$

3. Giới hạn dư lượng kim loại nặng:

QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,5$
2	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	$\leq 1,0$

T.H.H

lyh



AR-26-VD-081527-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình

Lô A – Cụm Công nghiệp, xã Vũ Thư

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2604010008-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00075577
Mã số Eol :

005-32410-718687

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Đường vàng tự nhiên

Mô tả mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

02/04/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/04/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

03/04/2026 - 09/04/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Agroborder II (AB II)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VDA04 VD (m) Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Terminator NOS (iNOS)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
5	VW066 VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	Không phát hiện (LOD=0.1)
6	VW07W VW (a) Tro	%	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	VW081 VW (a) Béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	Không phát hiện (LOD=0.1)
8	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	99.87
9	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	99.8
10	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)





AR-26-VD-081527-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00075577

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	99.8
15	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	TCVN 6641:2000 (ISO 5522:1981)	Không phát hiện (LOD=3)
16	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
18	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
19	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
20	VD4I5 VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	0.13
21	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	399

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/04/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/04/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN Số: 254
Ngày: 16/7/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu hồ sơ:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 23/VLT/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 1000441655

Điện thoại: 02273.617.568

E-mail: ops@vilitas.com.vn

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm số: TCQ.03.2400.1 (ISO 22000:2018) cấp ngày 26/01/2024

Nơi cấp: Trung tâm KN&CN chất lượng TQC

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Đường tinh luyện

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 5g, 6g, 10g, 250g, 300g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 2kg, 25kg và các quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng; bao bì được hàn kín mép để bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu PP, PE, PET; đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Sản phẩm được phối trộn và đóng gói tại Việt Nam từ nguyên liệu đường mía.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.



- Thông tư 09/VBHN-BYT ngày 06/09/2024 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Thu Hằng

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(đính kèm bản TCB số: 23/VLT/2026)

Sản phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN

Thành phần: Đường mía 100%

Khối lượng tịnh: 1 Kg

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Thời hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.617.568

Phối trộn và đóng gói tại Việt Nam

VIỆT
S
+
THÁI BÌNH

gk

Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 23/VLT/2026

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng tinh thể, đồng đều, tơi khô không vón cục.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu trắng
- Mùi vị: Tinh thể đường và dung dịch đường khi pha trong nước cất có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng đường tổng số (Saccharose)	%	$\geq 99,8$
2	Độ ẩm	%	$\leq 0,5$

3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Tham khảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6958:2023; Đường tinh luyện yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/Kg	< 7

4. Giới hạn dư lượng kim loại nặng:

QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,5$
2	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	$\leq 1,0$



gk



AR-26-VD-081258-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình

Lô A – Cụm Công nghiệp, xã Vũ Thư

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2604010008-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00075579

Mã số Eol : 005-32410-718689
Tên mẫu / Tên sản phẩm : Đường tinh luyện
Mô tả mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 02/04/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 02/04/2026 - 09/04/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/04/2026

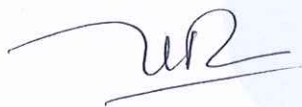
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
4	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
5	VD4I5 VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	Phát hiện vết(<0.035)
6	VD4GV VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	GS 2-33 (2022)	Không phát hiện (LOD=1)

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/04/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/04/2026.



AR-26-VD-081258-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Số: 285
Ngày: 16/1/2026

Chuyển:.....

Số và ký hiệu SHS:.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 24/VLT/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 1000441655

Điện thoại: 02273.617.568

E-mail: ops@vilitas.com.vn

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm số: TCQ.03.2400.1 (ISO 22000:2018) cấp ngày 26/01/2024

Nơi cấp: Trung tâm KN&CN chất lượng TQC

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Đường mía

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 5g, 6g, 10g, 250g, 300g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 2kg, 25kg và các quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng; bao bì được hàn kín mép để bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu PP, PE, PET; đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Sản phẩm được phối trộn và đóng gói tại Việt Nam từ nguyên liệu đường mía.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.



gh

- Thông tư 09/VBHN-BYT ngày 06/09/2024 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC *lqk*



GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Thu Hằng

S
TY
H
+V
A
INH
THÁ

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(đính kèm bản TCB số: 24/VLT/2026)

Sản phẩm: ĐƯỜNG MÍA

Thành phần: Đường mía 100%

Khối lượng tịnh: 1 Kg

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Thời hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.617.568

Phối trộn và đóng gói tại Việt Nam

C
I
IÊN
BÌNH

gph

Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 24/VLT/2026

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng tinh thể, đồng đều, tơi khô không vón cục.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu trắng
- Mùi vị: Tinh thể đường và dung dịch đường khi pha trong nước cất có vị ngọt,

không có mùi vị lạ.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng đường tổng số (Saccharose)	%	$\geq 99,8$
2	Độ ẩm	%	$\leq 0,5$

3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Tham khảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6958:2023; Đường tinh luyện yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/Kg	< 7

4. Giới hạn dư lượng kim loại nặng:

QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,5$
2	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	$\leq 1,0$



Ngũ



AR-26-VD-081236-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình

Lô A – Cụm Công nghiệp, xã Vũ Thư

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2604010008-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00075578

Mã số Eol :

005-32410-718688

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Đường mía

Mô tả mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

02/04/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/04/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

02/04/2026 - 09/04/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Agroborder II (AB II)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VDA04 VD (m) Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
5	VW066 VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	Phát hiện vết(<0.3)
6	VW07W VW (a) Tro	%	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	VW081 VW (a) Béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	Không phát hiện (LOD=0.1)
8	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	99.95
9	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	99.9
10	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00075578

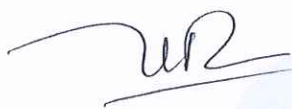
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	99.9
15	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	TCVN 6641:2000 (ISO 5522:1981)	Không phát hiện (LOD=3)
16	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
18	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
19	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
20	VD4I5 VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	0.05
21	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	400

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/04/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Ly Hoàng Hải 10/04/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố nằm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



- CET'
- BIC A/S; Koa T. Truoc 2017
T. hay x Truoc 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Số: 256
ĐẾN Ngày: 16/7/2026

Chuyển:.....

Số và ký hiệu: Hs

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 25/VLT/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 1000441655

Điện thoại: 02273.617.568

E-mail: ops@vilitas.com.vn

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm số: TCQ.03.2400.1 (ISO 22000:2018) cấp ngày 26/01/2024

Nơi cấp: Trung tâm KN&CN chất lượng TQC

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Đường sạch

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 5g, 6g, 10g, 250g, 300g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 2kg, 25kg và các quy cách khác theo nhu cầu của khách hàng; bao bì được hàn kín mép để bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì bằng chất liệu PP, PE, PET; đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MTV VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Sản phẩm được phối trộn và đóng gói tại Việt Nam từ nguyên liệu đường mía.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.



4/1

- Thông tư 09/VBHN-BYT ngày 06/09/2024 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Thu Hằng

44165
ÔNG T
T.N.H.H
THÀNH
ILITA
HÁI BÌNH
IU - T.TH

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(đính kèm bản TCB số: 25/VLT/2026)

Sản phẩm: ĐƯỜNG SẠCH

Thành phần: Đường mía 100%

Khối lượng tịnh: 1 Kg

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Thời hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VILITAS THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô A - Cụm Công Nghiệp, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.617.568

Phối trộn và đóng gói tại Việt Nam



Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
Đính kèm bản Tự công bố số 25/VLT/2026

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng tinh thể, đồng đều, tươi khô không vón cục.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu trắng
- Mùi vị: Tinh thể đường và dung dịch đường khi pha trong nước cất có vị ngọt,

không có mùi vị lạ.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng đường tổng số (Saccharose)	%	$\geq 99,7$
2	Độ ẩm	%	$\leq 0,5$

3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Tham khảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6958:2023; Đường tinh luyện yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/Kg	< 7

4. Giới hạn dư lượng kim loại nặng:

QCVN 8-2:2011/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,5$
2	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	$\leq 1,0$

22/11/2026

gk



AR-26-VD-081260-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình

Lô A – Cụm Công nghiệp, xã Vũ Thư

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2604010008-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00075581

Mã số Eol :

005-32410-718691

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Đường sạch

Mô tả mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

02/04/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/04/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

02/04/2026 - 09/04/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Agroborder II (AB II)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VDA04 VD (m) Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VDA04 VD (m) Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS)	%	EVN-R-RD-3-TP-3892 (2024) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
5	VW066 VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	Phát hiện vết(<0.3)
6	VW07W VW (a) Tro	%	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	VW081 VW (a) Béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	Không phát hiện (LOD=0.1)
8	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	99.7
9	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.05
12	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VD4I5 VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	0.05
14	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	400



AR-26-VD-081260-01 / EUVNHC-00417654- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00075581

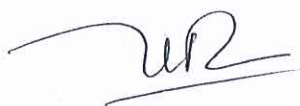
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD4GV VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	GS 2-33 (2022)	Không phát hiện (LOD=1)

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLy Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/04/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/04/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

